

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN
VÀ NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 877 /TCĐCĐ-ĐT&CTHSSV
V/v cung cấp dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp
Từ ngày 01/01/2024 - 30/12/2024

Cần Thơ, ngày 17 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp

Thực hiện yêu cầu của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp về việc cung cấp dữ liệu cấp bằng tốt nghiệp. Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ cung cấp thông tin cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy từ ngày 01/01/2024 – 30/12/2024 (phụ lục kèm theo).

Tổng số bằng cập nhật lần này là: 250 th

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Tám

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG - HỆ CHÍNH QUY
NĂM 2024

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
1	TRẦN TÂN BỬU	07/4/1996	Cao đẳng	Thủ y	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00234
2	DANH THỊ THẢO VY	12/22/2003	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00235
3	THẠCH NAM SỨ	14/12/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00236
4	LÂM NGỌC THẠCH	02/10/2003	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00237
5	LÊ THỊ ÁI QUYÊN	14/02/2003	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00238
6	DANH VEC XA NA	04/5/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00239
7	NGUYỄN VĂN LINH	08/3/1998	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00240
8	DƯƠNG VĂN ĐA	3/22/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00241
9	NGUYỄN VŨ HÙNG	19/10/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00242
10	DANH CHÍ PHƯƠNG	02/01/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00243
11	NGUYỄN NHỰT HẢO	01/02/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00244
12	TRẦN TRỌNG HUY	12/10/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00245
13	DANH ĐOÀN	24/11/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00246
14	VÕ QUANG HIẾU	5/28/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00247
15	ĐOÀN THANH HẢO	25/4/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00248
16	NGUYỄN AN KHANG	11/7/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00249
17	NGÔ NGUYỄN THẾ ANH	9/24/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CĐ 00250

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
18	DANH THANH VUI	10/9/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00251
19	DANH HẢO KIẾT	22/6/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00252
20	MAI ĐẠI LỢI	25/3/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00253
21	MAI SƠN HẢI	06/02/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00254
22	THẠCH SANG	29/11/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00255
23	MAI THANH HẬU	21/6/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00256
24	NGUYỄN THÀNH PHÁT	27/02/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00257
25	NGUYỄN HOÀNG NGHĨA	23/02/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00258
26	ĐÀO HUỲNH LINH	8/16/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00259
27	DANH TUẤN ANH	9/12/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00260
28	LƯU VĂN ĐỘI	7/30/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00261
29	TRẦN DUY KHÁNH	25/02/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00262
30	HUỲNH THANH LỄ	17/02/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00263
31	BÙI ĐỨC LUÂN	04/8/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00264
32	LÊ MINH KHA	3/28/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00265
33	NGÔ TRUNG HẬU	9/18/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00266
34	CHÂU QUỐC TOÀN	09/11/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00267
35	NGUYỄN ANH VĂN	24/01/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00268
36	DANH HỒNG NHẢ	08/7/2002	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00269
37	LÝ HẢI ĐĂNG	01/3/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Giỏi	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00270
38	LÝ DŨ	10/11/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00271
39	NGÔ HOÀNG BẢO	20/11/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00272
40	THÁI TRƯỜNG PHÚ	01/4/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00273
41	NGUYỄN TRẦN BẢO DUY	13/8/2002	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00274

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
42	LÊ THANH PHONG	12/12/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00275
43	LÊ HỒNG PHƯỚC	24/4/1991	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00276
44	LÊ THIÊN LỘC	18/11/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00277
45	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	09/6/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00278
46	TRẦN NHẬT THÀNH	01/11/2003	Cao đẳng	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	TB-khá	114	23/02/2024	27/02/2024	CD 00279
47	PHẠM VĂN KHANG	25/01/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01069
48	NGUYỄN NGỌC LỄ	26/9/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01070
49	NGÔ THANH VŨ	24/6/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01071
50	LÊ HUỲNH PHÚC HUY	25/8/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01072
51	NGUYỄN TRẦN TÂM	19/3/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01073
52	PHAN CHÂU KỲ	06/9/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01074
53	NGUYỄN NHẬT PHI	10/3/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01075
54	NGUYỄN THẾ HẢI	25/5/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01076
55	HUỲNH PHƯƠNG VY	25/11/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01077
56	NGUYỄN HOÀNG PHONG	07/11/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01078
57	TRẦN PHI HÙNG	05/12/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01079
58	NGUYỄN MINH KHÔI	25/5/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01080
59	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	20/7/2005	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01081
60	HỒ NGỌC NHƯ	16/9/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01082
61	TRẦN MINH HIẾU	19/9/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01083
62	THÁI HUỲNH TẤN PHÁT	13/7/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01084
63	TRẦN LA THIÊN PHÚC	13/4/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01085
64	NGUYỄN NGỌC TRÚC LY	01/5/2006	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01086
65	TRẦN PHÚC AN	10/01/2004	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01087

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bảng TN
66	LƯƠNG MINH TRỌNG	28/04/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01088
67	LÊ QUỐC YÊN	26/3/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01089
68	MAI HỮU NGHĨA	03/3/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01090
69	NGUYỄN THỊ KIM CHI	06/4/1988	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	TB-khá	221	03/4/2024	09/4/2024	TC 01091
70	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	24/9/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01092
71	TỪ HỮU NHÂN	30/9/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01093
72	NGUYỄN HOÀNG LINH	29/10/2005	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01094
73	TRẦN ANH HẬU	27/10/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01095
74	NGUYỄN THANH TOÀN	04/11/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01096
75	HỒ THANH GIÀU	27/02/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01097
76	CAO TẤN PHÁT	28/01/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01098
77	NGUYỄN NHẬT TIẾN	10/7/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01099
78	LÊ MINH NGỌC	25/3/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01100
79	TRƯƠNG THANH NGUYỄN	04/11/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01101
80	LÒ XUÂN ĐỨC	22/9/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01102
81	DƯƠNG HẠO NAM	25/7/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01103
82	NGUYỄN THỊ ANH THU'	27/7/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01104
83	BÙI HUỆ ANH	09/5/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01105
84	BNGUYỄN HỒNG NGÂN	12/6/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01106
85	NGUYỄN THANH TÌNH	22/5/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01107
86	PHẠM NGUYỄN HOÀNG ANH	02/11/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01108
87	MAI NGỌC HÂN	30/01/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01109
88	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	02/01/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01110
89	TRƯƠNG THỊ HUỲNH NHƯ'	04/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01111

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
90	LÊ NHỰT QUANG	22/10/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01112
91	DƯƠNG NGỌC THIÊN	12/10/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01113
92	NGÔ THỊ HỒNG THẨM	04/4/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01114
93	NGUYỄN THI	25/12/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01115
94	LƯU HUỖNH KHÁNH TRUNG	06/02/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01116
95	NGUYỄN NGỌC ĐOÀN THI	11/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01117
96	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	24/11/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01118
97	LƯU NGỌC THIÊN	07/12/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01119
98	NGUYỄN MINH ĐẠT	06/7/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01120
99	ĐOÀN LÊ TƯỜNG VI	10/4/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01121
100	ĐÌNH HOÀNG NGHĨA	23/12/2005	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01122
101	VÕ HOÀNG ANH	04/9/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01123
102	VÕ HOÀNG PHÚC	03/6/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	TB-khá	287	29/5/2024	06/9/2024	TC 01124
103	NGUYỄN HỮU NGÂN	04/11/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01125
104	HUỖNH NG. TRƯỜNG THỊNH	05/9/2005	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01126
105	DƯƠNG MINH AN	27/11/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01127
106	TRẦN TÍN	12/9/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01128
107	TẠ VINH ĐẠI	30/3/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01129
108	DƯƠNG HỮU NGHĨA	02/11/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01130
109	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG PHÚC	25/9/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01131
110	TRẦN NHỰT MINH	22/8/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01132
111	NGUYỄN THANH QUỐC TIỀN	11/5/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01133
112	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	05/01/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	TB-khá	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01134
113	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	07/12/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	340	21/6/2024	24/6/2024	TC 01135

5

12

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bảng TN
114	TRẦN MINH PHƯỚC	22/5/1986	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Giỏi	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01136
115	NGUYỄN NGỌC NHẬT	19/12/1976	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Giỏi	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01137
116	NGUYỄN MINH VŨ	15/8/1988	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Giỏi	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01138
117	VÕ VĂN ĐẠT	19/7/1988	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Khá	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01139
118	TRƯƠNG THANH NHANH	14/5/2004	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Khá	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01140
119	NGUYỄN HỮU LỘC	04/01/2007	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Khá	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01141
120	TRẦN KIM MỸ	20/4/2005	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Khá	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01142
121	PHAN KHÁNH DƯƠNG	11/8/2007	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Khá	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01143
122	ĐẶNG PHÚ GIÀU	03/01/2006	Trung cấp	Nuôi trồng thủy sản	Chính quy	2024	Trung bình	344	26/7/2024	29/7/2024	TC 01144
123	TRẦN MINH NHẬT	06/12/2002	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01145
124	HUỲNH BẢO AN	07/3/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01146
125	HUỲNH QUỐC VĨ	01/10/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01147
126	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	19/8/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01148
127	LÊ THIÊN THẮNG	12/5/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01149
128	NGUYỄN VĂN LÂM	07/7/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01150
129	NGUYỄN HỮU TÂM	07/5/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01151
130	HUỲNH NHẬT TÂN	13/4/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01152
131	TRẦN TRÍ TÂM	08/4/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01153
132	DANH XUÂN ĐẠT	01/7/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01154
133	TRỊNH HUỲNH PHÁT	11/12/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01155
134	PHAN VĂN ĐỊNH	25/5/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01156
135	TRẦN HỮU TIẾN	21/5/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01157
136	LÂM QUỐC TRỌNG	28/8/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01158
137	DANH ĐIỆN	23/10/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01159

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
138	LÊ VĂN QUYNH	26/02/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01160
139	TRẦN HOÀNG DINH	29/6/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01161
140	LÝ KHÁNH DUY	15/02/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01162
141	VÕ DUY KHOA	28/12/2002	Trung cấp	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Khá	558	09/9/2024	19/9/2024	TC 01163
142	THẠCH CHÁU	01/01/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	558	09/9/2024	19/9/2024	CĐ 00280
143	NGUYỄN PHÚC VINH	02/10/2003	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Chính quy	2024	TB-khá	558	09/9/2024	19/9/2024	CĐ 00281
144	PHẠM THỊ THẢO TRANG	03/8/2005	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00131
145	HUỲNH THỊ THÚY LIÊN	12/10/2002	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00132
146	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	07/02/2005	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00133
147	NGUYỄN THỊ TƯỜNG DUY	09/9/2004	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00134
148	NGUYỄN ANH KHÔI	21/12/2005	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00135
149	NGUYỄN MINH NGHĨA	07/02/2005	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00136
150	NGÔ QUANG NHẢ	05/9/2004	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00137
151	VÕ THỊ NGỌC HÂN	19/9/2005	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00138
152	TRẦN CẨM TÚ	20/11/2004	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	601	16/9/2024	19/9/2024	CĐLT 00139
153	CAO THỊ HIẾU NHI	31/10/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01164
154	TRẦN ÁNH NGUYỆT	01/3/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01165
155	LÝ THỊ LAN ANH	06/5/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01166
156	PHẠM THỊ THÚY CÚC	01/8/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01167
157	BÙI THỊ ANH THƯ	25/12/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01168
158	NGUYỄN THỊ MINH THỊ	26/02/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01169
159	ĐOÀN NGỌC GIÀU	27/12/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01170
160	NGUYỄN THỊ NHƯ HUỲNH	25/4/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01171
161	VÕ THỊ CẨM DUYÊN	21/10/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01172

167

7

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
162	HUỖNH NGUYỄN THÁI MINH	12/6/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01173
163	PHAN THỊ NGỌC TUYẾN	23/9/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01174
164	NGUYỄN QUỐC TÍN	18/11/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01175
165	TRỊNH QUỐC ĐẠT	21/12/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01176
166	TRẦN THỊ NGỌC NHƯ	30/12/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01177
167	BÙI THỊ BẢO TRẦN	24/01/2004	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01178
168	NGUYỄN NHẢ MY	15/5/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01179
169	NGUYỄN NHẬT TƯỜNG	19/4/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01180
170	LÊ THỊ NGỌC HÂN	16/11/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01181
171	NGUYỄN THÀNH NGHĨA	15/7/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01182
172	LÊ HẢI QUÂN	25/9/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01183
173	ĐẶNG TRÚC GIANG	15/02/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01184
174	ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC ĐỘ	02/12/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01185
175	NGUYỄN QUANG BẢO	23/5/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01186
176	NGUYỄN NGỌC DIỆP	24/4/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01187
177	VÕ PHẠM HỮU LỢI	23/12/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01188
178	ĐỖ THÀNH ĐẠT	27/4/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01189
179	PHAN GIA MINH	04/3/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01190
180	NGUYỄN THANH TUẤN	18/9/2007	Trung cấp	Quản trị mạng máy tính	Chính quy	2024	Giỏi	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01191
181	NGUYỄN HỮU TIỀN	11/5/2007	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01192
182	NGUYỄN PHÚ HỮU	15/4/2004	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01193
183	HUỖNH NHẬT ANH	25/02/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01194
184	ĐÀO HOÀNG SANG	29/01/2007	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01195
185	HUỖNH TRUNG HẬU	25/9/2007	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01196

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
186	ĐÌNH CÔNG TRIỆU	20/12/2006	Trung cấp	Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01197
187	NGUYỄN QUANG VINH	18/4/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01198
188	TRẦN DUY KHANH	16/6/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01199
189	TRẦN QUANG HUY	06/11/2005	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01200
190	PHẠM HOÀNG HÙNG	06/5/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01201
191	LÊ HOÀNG PHÚC	30/8/2004	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01202
192	NGUYỄN THANH TÂM	21/5/2005	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01203
193	PHẠM VŨ TRƯỜNG	19/9/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Khá	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01204
194	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	18/8/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01205
195	NGUYỄN TÂN TÀI	25/10/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01206
196	LÊ HOÀNG LỘC	18/8/2006	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01207
197	THÁI MINH ĐỒ	04/01/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01208
198	PHẠM VĂN KHOA	25/7/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01209
199	CAO BÁ PHONG	30/3/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01210
200	TRƯỜNG VĂN VẠN	17/5/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01211
201	PHẠM THÀNH ĐẠT	15/6/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01212
202	NGUYỄN NHẬT HÀO	02/5/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01213
203	TRẦN LÝ QUANG ĐỨC	26/12/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01214
204	THÁI NGỌC TIỀN	14/6/2007	Trung cấp	Điện công nghiệp và DD	Chính quy	2024	Trung bình	676	07/10/2024	09/10/2024	TC 01215
205	TRẦN NGỌC ĐẦY	01/8/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01216
206	TRẦN QUỐC HUY	03/8/2001	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01217
207	NGUYỄN TRẦN THẾ THƯƠNG	31/01/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01218
208	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	10/01/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01219
209	TRẦN HỮU PHƯỚC	06/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01220

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bằng TN
210	LÊ MINH TRÍ	05/8/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01221
211	LÊ VĂN ĐOAN	15/11/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01222
212	CAO HOÀNG PHÚC	29/10/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01223
213	NGUYỄN MINH HÙNG	10/9/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01224
214	HÀ NGỌC PHÚC	22/4/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01225
215	TRẦN TẤN ĐẠI	15/01/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Giỏi	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01226
216	PHẠM GIA HUY	22/7/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01227
217	VÕ THIÊN THUẬN	04/12/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01228
218	NGUYỄN HỒNG CƯỜNG	26/7/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01229
219	PHAN HOÀNG KIẾN	23/3/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01230
220	TRẦN THÁI NGUYỄN	10/4/1999	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01231
221	TRẦN VĂN NGUYỄN	07/9/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01232
222	LÊ VĂN HOÀNG THÁI	07/01/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01233
223	PHẠM GIA MÃN	25/8/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01234
224	TRẦN ĐỖ QUỐC KHƯƠNG	30/8/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01235
225	TRẦN VĂN THẮNG	27/10/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01236
226	HỒ BÁ NHÂN	18/02/2006	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01237
227	TRẦN LÊ MINH NGUYỄN	16/8/2007	Trung cấp	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01238
228	VÕ THANH NHẬT	26/5/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01239
229	PHAN THỊ NGỌC GIÀU	24/9/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01240
230	HỒ THỊ MỸ HUỲNH	07/02/2006	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01241
231	LÊ NGUYỄN AN VY	24/10/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01242
232	LÊ QUỐC THỊNH	30/4/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Giỏi	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01243
233	TRẦN THỊ THUY LINH	13/3/2001	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01244

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Ngành/Nghề đào tạo	Hình thức đào tạo	Năm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Số QĐ công nhận TN	Ngày tháng năm của QĐ	Ngày tháng năm cấp bằng TN	Số hiệu bảng TN
234	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	30/7/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01245
235	TRẦN LỆ THU NGUYỄN	17/8/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01246
236	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	16/4/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01247
237	VÕ TRẦN PHƯƠNG NHƯ	05/02/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01248
238	TRẦN NGỌC CÁT TUỜNG	30/7/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01249
239	HỒ THỊ NGỌC BÍCH	05/10/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Khá	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01250
240	PHAN HOÀNG ANH THU	12/7/2005	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01251
241	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	12/7/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01252
242	QUAN THỊ KIM XUYỄN	09/9/2007	Trung cấp	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	2024	Trung bình	683	08/10/2024	09/10/2024	TC 01253
243	HUỲNH KIM CHON	08/8/1996	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Giỏi	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01254
244	PHẠM THỊ MINH THU	09/12/1997	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Giỏi	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01255
245	HỒ NHẬT HUY	24/02/2007	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Khá	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01256
246	NG. HUỲNH THANH MÃN	25/10/2007	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Trung bình	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01257
247	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂM	02/01/2006	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Trung bình	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01258
248	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	15/05/2007	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Trung bình	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01259
249	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	20/05/2007	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp	Chính quy	2024	Trung bình	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01260
250	LÊ QUỐC HÀO	01/01/2003	Trung cấp	Điện công nghiệp	Chính quy	2024	Trung bình	781	05/11/2024	11/11/2024	TC 01261

Danh sách có 250 HSSV tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG